

TÊN MÔN: TIN HỌC ỨNG DỤNG

MÃ MÔN: CS 2201

Tín chỉ: 3

Học kì: PHỤ

Lần thi: 1

Ngày thi: 03/02/2015

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
					10%	1	1	1					
				10%					30%	60%	100%		
					1 1 1								
1	1712719926	Thái Trịnh Minh Châu	N17DLK	9	10	10	10		10.0	8.0	8.7	Tám phẩy Bảy	
2	1713219837	Nguyễn Anh Đức	N17KDN2	6	10	10	10		10.0	V	0.0	Không	
3	1712219892	Nguyễn Thị Kim Thoa	N17KDN2	5	7	6	8		7.0	8.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
4	1713119814	Trần Hữu Việt	N17TPM	5	6	7	7		6.7	7.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
5	1812719234	Trần Việt Thảo	N18DLK1	5	7	4	9		6.7	8.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
6	1813719217	Phạm Ngọc Sơn	N18DLK3	5	8	7	5		6.7	7.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
7	1812719071	Bùi Thị Hiền	N18DLK4	9	7	7	8		7.3	8.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
8	1812719114	Lưu Mỹ Lai	N18DLK4	5	7	6	7		6.7	7.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
9	1813719128	Nguyễn Hoàng Long	N18DLK5	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
10	1812719193	Võ Thị Phước	N18DLK6	5	6	7	8		7.0	7.5	7.1	Bảy phẩy Một	
11	1812719300	Trần Hồ Phương Uyên	N18DLK6	5	5	7	5		5.7	7.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
12	1812219507	Võ Vương Hiền	N18KDN1	7	7	8	9		8.0	8.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
13	1813219511	Đặng Văn Hiếu	N18KDN1	9	10	10	10		10.0	8.0	8.7	Tám phẩy Bảy	
14	1812219552	Trần Hồng Ngọc	N18KDN1	7	8	8	8		8.0	8.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
15	1813219573	Thái Minh Sặng	N18KDN1	10	7	8	10		8.3	8.0	8.3	Tám phẩy Ba	
16	1813219575	Phạm Ngọc Sơn	N18KDN1	9	10	9	10		9.7	8.5	8.9	Tám phẩy Chín	
17	1812219580	Đàm Thị Thu Sương	N18KDN1	7	7	7	8		7.3	6.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
18	1812219581	Nguyễn Thị Tuyết Sương	N18KDN1	7	7	8	8		7.7	8.5	8.1	Tám phẩy Một	
19	1812219582	Hoàng Thị Thanh Tâm	N18KDN1	6	6	7	8		7.0	6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
20	1812219583	Trần Thị Thanh Tâm	N18KDN1	5	5	8	7		6.7	5.5	5.8	Năm phẩy Tám	
21	1812219595	Lê Phương Thảo	N18KDN1	5	7	7	9		7.7	6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
22	1812219513	Trương Thị Hòa	N18KDN2	9	9	8	8		8.3	8.0	8.2	Tám phẩy Hai	
23	1813219520	Trần Thanh Hùng	N18KDN2	5	7	5	8		6.7	7.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
24	1812219628	Nguyễn Thị Thiên Hương	N18KDN2	7	5	7	10		7.3	5.5	6.2	Sáu phẩy Hai	
25	1812219551	Võ Thị Nghĩa	N18KDN2	8	8	8	10		8.7	7.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
26	1812219604	Bùi Thị Thư	N18KDN2	8	8	7	8		7.7	8.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
27	1813219616	Phạm Thanh Tùng	N18KDN2	5	8	6	7		7.0	9.0	8.0	Tám	
28	1813119336	Huỳnh Bá Danh	N18TPM1	5	8	7	8		7.7	9.0	8.2	Tám phẩy Hai	
29	1813119453	Phan Thảo	N18TPM1	6	9	9	10		9.3	V	0.0	Không	HTL1
30	1813119341	Nguyễn Tấn Dương	N18TPM2	5	8	7	5		6.7	1.0	0.0	Không	
31	1813719081	Nguyễn Thanh Trung	N19DLK3,4	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,

TÊN MÔN: TIN HỌC ỨNG DỤNG
MÃ MÔN: CS 2201

Tín chỉ: 3
Học kì: PHỤ
Lần thi: 1

Ngày thi: 03/02/2015

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
32	1913711453	Võ Hưng Toàn Khoa	N19DLK3,4	5	5	6	6		5.7	V	0.0	Không	
33	1912711508	Hà Thị Thanh Thoa	N19DLK3,4	8	5	3	8		5.3	V	0.0	Không	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	26	79%	
2	Số sinh viên nợ	7	21%	
TỔNG CỘNG :		33	100%	

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 02 năm 2015

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Ân